TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Phúc

2. Ông Nguyễn Văn Miêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:

Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2469/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thảo N – sinh năm: 1995, Có mặt.

Địa chỉ: 72/3 ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: 83/5 ấp QT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Thị T, sinh năm: 1963. Có mặt.

Địa chỉ: 83/5 ấp QT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-6-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thảo N trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn L tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vào ngày 08-10-2015, hôn nhân giữa chị và anh L là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh L về sống chung với gia đình anh L một thời gian. Trong thời gian sống chung vợ chồng cũng có lần cự cãi, mỗi lần như vậy anh L thường gọi điện cho chị ruột anh L sau đó chị anh L gọi điện cho chị trách mắng mà không để vợ chồng tự hòa giải, những lần như vậy khiến gia đình chị và gia đình anh L có mâu thuẫn nên gia đình chị đón chị về nhà sống từ ngày 16-

01-2017 (âm lịch). Sau khi chị về nhà chị sinh sống, chị và anh L có bàn bạc sẽ đi làm để tạo dựng cuộc sống riêng nhưng vợ chồng không thống nhất được dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại tòa chị xác định chị không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh L nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho chị.

Về nuôi con chung: chị và anh L có một con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 17/10/2016, con chung đang sống với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, anh L có nói với chị thu nhập hàng tháng của anh L là 4.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Vợ chồng chị có tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k (trong đó có 07 chỉ vàng 24k lúc đón dâu mẹ anh L cho chị, 05 chỉ vàng 24k cho anh L tại nhà anh L nhưng sau đó anh L đưa cho chị 05 chỉ vàng 24k để cất giữ chung). Tuy nhiên sau đó vợ chồng chị thống nhất gửi mẹ chồng chị là bà Phạm Thị T cất giữ. Ngoài ra vợ chồng chị còn có 02 chỉ vàng 18k (là tấm lắc chị anh L mua cho chị) nhưng anh L nói đã bán số vàng này sử dụng. Nếu yêu cầu ly hôn của chị được chấp nhận chị yêu cầu bà T giao trả cho chị 06 chỉ vàng 24k; đối với tấm lắc 02 chỉ vàng 18k chị không yêu cầu.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 18-8-2017 và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T trình bày:

Bà thừa nhận bà là người cất giữ số vàng 12 chỉ vàng 24k (trong đó có 07 chỉ vàng là cho chung hai vợ chồng trong ngày cưới, 05 chỉ vàng 24k là cho riêng L). Sau khi cưới chị N có đeo số vàng này một thời gian nhưng sau đó có gửi lại cho bà cất giữ. Tuy nhiên, khi chị N sinh con bà và anh L đã thống nhất bán hết số vàng này, việc bán vàng không nói cho chị N biết.

Đối với 02 chỉ vàng 18k bà không quản lý.

Do đã bán hết vàng vào việc chăm lo cho chị N khi sinh con nên bà không đồng ý giao trả 06 chỉ vàng 24k theo yêu cầu của chị N.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Trần Thảo N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Do mâu thuẫn giữa chị N và anh L chưa đến mức trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu ly hôn với anh L. Do bác yêu cầu khởi kiện ly hôn nên vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Thảo N thì chị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L, yêu cầu về nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung nên đây là tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T đăng ký thường trú tại ấp 83/5 ấp QT, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] *Về tố tụng*: Bị đơn Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trần Thảo N và anh Nguyễn Văn L là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh L theo chị N trình bày là không còn hạnh phúc, chị N không còn tình cảm với anh L nên không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh L vắng mặt nhưng có văn bản gửi Tòa thể hiện còn thương vợ, thương con và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua trình bày của chị N thấy rằng mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L chưa đến mức trầm trọng, chị N thừa nhận anh L không có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của chồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về con chung, tài sản chung, nợ chung:* do yêu cầu xin ly hôn của chị N không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét đến vấn đề con chung. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị N mặc dù bà T thừa nhận có giữ số tài sản chung là 12 chỉ vàng 24k nhưng bà T cho rằng số tài sản chung này bà cùng với anh L đã thống nhất bán để chăm sóc cho chị N khi chị N sinh con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh L vắng mặt nên chưa được làm rõ. Mặt khác, chị N yêu cầu khi ly hôn mới chia tài sản nên do yêu cầu ly hôn của chị N không được chấp nhận vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: chị N trình bày không có nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị N phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí, Điều 26, 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thảo N đối với anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản, nợ chung: Do yêu cầu xin ly hôn của chị N không được chấp nhận nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo Biên lai số 0010670 ngày 30-6-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 560.000 đồng theo biên lai thu số 0010671 ngày 30-6-2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã Quới Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh